TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thảo Yến và bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Kim Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2023/TLST - KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-KDTM ngày16/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPĐ; Địa chỉ: Tháp BIDV số 194 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Trưởng phòng KHCN Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Ninh; Địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Quyết định uỷ quyền số 1119/QĐ–QLRR ngày 11/10/2023, có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu Thọ Trai, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên toà hôm nay đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/3/2023, Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng hạn mức số

01/2023/13462081/HĐTD và hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD về việc cho anh T vay số tiền là 3.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán tiền mua hàng; Thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất 10,2%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thanh toán lãi: ngày 25 hàng tháng; thời hạn trả nợ gốc: 23/02/2024.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 22/3/2023 anh Nguyễn Văn T đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 023/2023/13462081/HĐBĐ. Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 464, tờ bản đồ số 26, diện tích 82,4m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sốDE983747 ngày 22/7/2022 đứng tên bà Lý Thị Bến. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T.

- Quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 26, diện tích 122,2 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983749 ngày 22/7/2022 đứng tên ông Lương Văn Dũng. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T.

Sau đó, anh T có đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ngày 20/6/2023 Ngân hàng đã phê duyệt phát hành thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng. Ngay sau đó, anh T đã sử dụng hết 50.000.000 đồng trong thẻ tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và chuyển tiền đến tài khoản đích theo đề nghị của anh T, sau đó anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi và gốc, chỉ thanh toán lãi đến tháng 6/2023 với tổng số tiền 79.643.836 đồng. Anh T vi phạm thời hạn thanh toán lãi từ tháng 7/2023. Toàn bộ khoản vay trên chuyển nợ quá hạn từ 24/02/2024, Ngân hàng nhiều lần đôc đốc nhắc nhở nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận đã ký kết hợp đồng tín dụng.

Đại diện Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam yêu cầu anh T phải thanh toán số nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD, hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD và thẻ tín dụng tính đến ngày 11/4/2024 tổng cộng là 3.329.219.367 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng,

nợ lãi trong hạn là 282.526.027 đồng, nợ lãi quá hạn là 60.361.643 đồng, lãi phạt là 8.615.315 đồng, nợ thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi và phí phạt thẻ tín dụng là 7.360.216 đồng. Anh T tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng kể từ ngày 11/4/2024. Trường hợp anh T không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản cho ông Nguyễn Văn Tiến là bố đẻ anh T, ông Tiến cam kết sẽ giao tận tay các văn bản cho anh T. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Tòa án còn tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán số nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD, hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD và thẻ tín dụng tính đến hết ngày 23/5/2024 tổng cộng là 3.386.924.673 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 282.526.027 đồng, nợ lãi quá hạn là 114.435.616 đồng, lãi phạt là 11.291.854 đồng, nợ thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi và phí phạt thẻ tín dụng là 8.315.011 đồng. Anh T tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng kể từ ngày 24/5/2024. Trường hợp anh T không trả được nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 023/2023/13462081/HĐBĐ ngày 22/3/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 464, tờ bản đồ số 26, diện tích 82,4 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983747 ngày 22/7/2022 đứng tên bà Lý Thị Bến. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T. Quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 26, diện tích 122,2 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983749 ngày 22/7/2022 đứng tên ông Lương Văn Dũng. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T để thu hồi nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, niêm yết văn bản theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chưa chấp hành đầy đủ những quy định của bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 195; Điều 198; Điều 203; Điều 204; Điều 220; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 243; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số nợ vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD, hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD và thẻ tín dụng tính đến hết ngày 23/5/2024 là 3.386.924.673 đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 282.526.027 đồng, tiền lãi quá hạn là 114.435.616 đồng, lãi phạt là 11.291.854 đồng, nợ thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi và phí phạt thẻ tín dụng là 8.315.011 đồng. Anh T tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng kể từ ngày 24/5/2024 đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh T không thanh toán nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 023/2023/13462081/HĐBĐ ngày 22/3/2023 là quyền sử dụng thửa đất số 464, tờ bản đồ số 26, diện tích 82,4 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983747 ngày 22/7/2022 đứng tên bà Lý Thị Bến. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T.

Quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 26, diện tích 122,2 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983749 ngày 22/7/2022 đứng tên ông Lương Văn Dũng. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T để thu hồi nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng tín dụng, mục đích của hợp đồng tín dụng thấy, việc ký kết hợp đồng giữa một bên là tổ chức tín dụng có tư cách pháp nhân với 01 bên là cá nhân có đăng ký kinh doanh và mục đích vay là để thanh toán tiền mua hàng nên tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng tín dụng được phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh có trụ sở tại thành phố Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về hợp đồng tín dụng: Xét hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD ngày 23/3/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD ngày 23/3/2023; Bản đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/6/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh và anh Nguyễn Văn T về việc cho anh T vay số tiền là 3.000.000.000 đồng và hạn mức tính dụng 50.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua các điều khoản đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, thì ngay sau khi ký kết hợp đồng bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân đủ số tiền cho vay là 3.000.000.000 đồng và 50.000.000 đồng cho anh T. Ngược lại bên vay chỉ thanh toán đúng kỳ hạn tiền lãi đến tháng 6/2023 với tổng số tiền lãi là 79.643.836 đồng thì không thanh toán được nữa. Anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo Điều 5 mục III của hợp đồng tín dụng. Việc không thanh toán đầy đủ nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn thanh toán của anh T là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận. Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 23/5/2024 tổng cộng là 3.386.924.673 đồng. Trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 282.526.027đồng, nợ lãi quá hạn là 114.435.616 đồng, lãi phạt là 11.291.854 đồng, nợ thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi và phí phạt thẻ tín dụng là 8.315.011 đồng. Anh T tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng kể từ ngày 24/5/2024 đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, anh Nguyễn Văn T đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thế chấp cho Ngân hàng bằng việc ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 023/2023/13462081/HĐBĐ ngày 22/3/2023. Việc ký hợp đồng thế chấp giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng của quy định tại các Điều 317, 323 Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực thực hiện. Theo hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 464, tờ bản đồ số 26, diện tích 82,4 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983747 ngày 22/7/2022 đứng tên bà Lý Thị Bến. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T. Quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 26, diện tích 122,2 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983749 ngày 22/7/2022 đứng tên ông Lương Văn Dũng, ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T. Tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp về phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp thể hiện *"Các tài sản thế chấp bảo*

đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng như định nghĩa tại Điều 1 hợp đồng". Tại Điều 1 hợp đồng bao gồm cả đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay tín dụng cùng khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Đến nay, anh T không có khả năng trả nợ đối với hai khoản vay trên, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với cam kết tại hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp quy định về giao dịch bảo đảm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 10.000.000 đồng. Anh T phải chịu chi phí này. Vì vậy, anh T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét thẩm định đã nộp là 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Khoản 1, Điều 147; Điều 157; Điều 195; Điều 198; Điều 203; Điều 204; Điều 220; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Điều 235; Điều 243; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc anh Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD, hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD ngày 23/3/2023 và thẻ tín dụng tính đến hết ngày 23/5/2024 tổng cộng là 3.386.924.673 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 282.526.027 đồng; Nợ lãi quá hạn là 114.435.616 đồng; lãi phạt là 11.291.854 đồng; Nợ thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng; lãi và phí phạt thẻ tín dụng là 8.315.011 đồng.

Anh T tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13462081/HĐTD, hợp đồng tín dụng cụ thể số 1.01/2023/13462081/HĐTD ngày 23/3/2023 và thẻ tín dụng kể từ ngày 24/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp anh T không trả được nợ, Ngân hàng có quyềnyêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 023/2023/13462081/HĐBĐ ngày 22/3/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 464, tờ bản đồ số 26, diện tích 82,4 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983747 ngày 22/7/2022 đứng tên bà Lý Thị Bến. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T. Quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 26, diện tích 122,2 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE983749 ngày 22/7/2022 đứng tên ông Lương Văn Dũng. Ngày 10/3/2023 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 99.738.493 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 47.271.000 đồng tại biên lai thu ký hiệu: BLTU/23, số: 0000477 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thảo Yến **Nguyễn Thị Liên** **Đỗ Thanh Ngọc**